

Số: **816/2020/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 643/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: A3/95 ấp 1, xã Tân Nh1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Hữu Nh**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 1A43/1 ấp 1, xã Phạm Văn H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Hữu Nh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Hữu Nh thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nh1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/9/2011 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Hữu Nh cùng thỏa thuận giao con chung tên là Trần Ngọc Lan Th (nữ), sinh ngày 22/02/2011 và Trần Ngọc Thiên A (nữ), sinh ngày 09/4/2019 cho bà Trần Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Trần Hữu Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tổng cộng là: 3.000.000 (Ba triệu) đồng/02 con/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Hữu Nh có quyền thỏa thuận về địa điểm và phương thức thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con; trường hợp không thỏa

thuận được thì thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con là vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/9/2020 cho đến khi trẻ Trần Ngọc Lan Th (nữ), sinh ngày 22/02/2011 và Trần Ngọc Thiên A (nữ), sinh ngày 09/4/2019 lần lượt trưởng thành.

Trường hợp ông Trần Hữu Nh không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Trần Thị Tuyết N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Trần Hữu Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Trần Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Hữu Nh chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Trần Hữu Nh phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N và ông Trần Hữu Nh đều xác nhận không có tài sản chung và không nợ ai nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Tuyết N tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079554 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (2).
- VKSND H. Bình Chánh (2).
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1).
- UBND xã Tân Nh1, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền